

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC 6A,
XÃ ĐẮK MAR, HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
9. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
10. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành

Việc vận hành hồ chứa nước 6A phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế $P=1,5\%$ tương ứng với mực nước cao nhất là +638,90 m;

2. Phát huy hiệu quả của công trình đảm bảo nhiệm vụ hiện tại theo Quyết định 387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: tưới 328,32ha, trong đó lúa 2 vụ là 26,0ha, Cây công nghiệp (cà phê) là 302,32ha và giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.

3. Trong mùa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành hồ chứa nước 6A theo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Thông số chính của hồ chứa

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình theo QCVN 04-05: 2012: Cấp III
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,5\%$.
- Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$.
- Mức đảm bảo tưới: $P = 85\%$.
- Thuộc loại hồ chứa lớn theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số (theo hồ sơ thiết kế)	Trị số (theo số liệu kiểm định)
1	Diện tích lưu vực	Km ²	7,5	8,43
2	Mực nước chết	m	+631,10	+631,10
3	Mực nước dâng bình thường	m	+638,20	+638,20
4	Mực nước lũ thiết kế	m	+638,90	+639,95
5	Mực nước lũ kiểm tra	m		+640,31
6	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,097	0,190
7	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	1,739	1,540
8	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	1,934	1,730

Điều 4. Quy định về mùa lũ, mùa kiệt

1. Phân loại lũ:

TT	Phân loại lũ	Giá trị (m³/s)
1	Lũ nhỏ là lũ có lưu lượng lũ thấp hơn lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} < 2,76$
2	Lũ vừa là lũ có lưu lượng lũ bằng lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} = 2,76$

3	Lũ lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ trung bình nhiều năm nhưng nhỏ hơn lưu lượng lũ thiết kế	$2,76 < Q_{lũ} < 4,57$
4	Lũ đặc biệt lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ thiết kế	$Q_{lũ} > 4,57$

2. Mùa lũ, mùa kiệt trong Quy trình này được quy định như sau:

- Mùa lũ bắt đầu từ 01/7 đến 30/11 hàng năm.
- Mùa kiệt bắt đầu từ 01/12 đến 30/6 năm sau.

CHƯƠNG II VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành hồ chứa nước 6A trong mùa lũ

Trước mùa lũ hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải thực hiện:

1. Tổ chức kiểm tra hồ chứa trước mùa lũ đúng với quy định hiện hành, phát hiện, xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ (*thời gian thực hiện kiểm tra công trình vào tháng 4 trước lũ và tháng 12 sau lũ theo quy định tại mục 4.2.2 - TCVN 8414:2010*).

2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn trước mùa lũ hàng năm và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể làm cơ sở vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Điều 6. Mục nước hồ trong mùa lũ

1. Mục nước hồ ở cuối các tháng trong mùa lũ bằng cao trình ngưỡng tràn tự do và bằng mực nước dâng bình thường +638,20m.

2. Mục nước lớn nhất thiết kế MNLNTK +638,90m (theo hồ sơ thiết kế).

Điều 7. Vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường

1. Căn cứ vào biểu đồ điều phối và điều kiện thời tiết hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác công trình linh hoạt điều tiết mục nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*) để bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt cho vùng hạ du hồ chứa.

2. Khi mực nước hồ đến giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 6 quy định này, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải :

- Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng các hạng mục công trình đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình vận hành hồ chứa nước

để có đánh giá do lũ qua tràn ảnh hưởng đến hạ du.

- Trục lũ 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về diễn biến mực nước hồ chứa để kịp thời nắm bắt, lên phương án đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du công trình.

- Thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà, Ủy ban nhân dân xã Đắk Mar để phổ biến đến nhân dân vùng hạ du và các cơ quan liên quan về việc dự kiến lưu lượng lũ qua tràn và mực nước dâng ở hạ lưu nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản vùng hạ du đập khi lũ qua tràn.

Điều 8. Vận hành xả lũ trong trường hợp khẩn cấp

Trong mùa lũ, khi mực nước hồ đạt cao trình +638,90m (*mực nước lũ thiết kế theo hồ sơ thiết kế*) và đang lên, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà biết để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản của người dân vùng hạ du hồ chứa. Đồng thời, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

Điều 9. Thông báo trước khi vận hành xả lũ

1. Trước khi lũ qua tràn đến mức phải cảnh báo ở khoản 2 Điều này, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; hình thức thông báo bằng Fax, email, điện thoại . . .

- Thông báo bằng loa phóng thanh, còi và các phương tiện truyền thông khác để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du hồ chứa;

- Thời gian thông báo ít nhất trước 15 phút;

2. Chế độ cảnh báo trước khi tràn tháo lũ:

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ vừa (*cột nước qua tràn $H_{tr}=0,5m$; mực nước hồ đến cao trình +638,70m*): Kéo 2 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ thiết kế (*cột nước qua tràn $H_{tr}=0,70m$; mực nước hồ đến cao trình MNLNTK +638,90m*): Kéo 3 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân vùng hạ du đập dọc theo tuyến thoát lũ.

- Hiệu lệnh trong tình huống khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập: Kéo 5 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập cần phải tổ chức thực hiện ngay phương án di dời

con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA KIẾT

Điều 10. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Trước mùa kiệt hàng năm, Đơn vị khai thác công trình phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án cấp nước trong mùa kiệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết.

2. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (phụ lục số III.1)

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/12	31/1	28/2	31/3	30/4	31/5	30/6
Mực nước thấp nhất (m)	+638,20	+637,90	+637,38	+637,05	+636,42	+631,10	+631,10
Dung tích hồ (triệu m ³)	1,73	1,63	1,46	1,36	1,17	0,19	0,19
Cột nước so với đáy cống (m)	7,90	7,60	7,08	6,75	6,12	0,80	0,80

Điều 11. Vận hành cấp nước

1. Trường hợp bình thường:

Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" đơn vị quản lý, khai thác công trình đảm bảo cung cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo kế hoạch cấp nước.

2. Trường hợp đặc biệt:

- Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, đơn vị quản lý, khai thác công trình và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

- Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết +631,10m, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG IV

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ

Điều 12. Khi công trình đầu mối của hồ chứa (*đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước*) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, đơn vị khai thác công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 13. Khi cửa cống lấy nước bị sạt lở, bồi lấp hoặc có sự cố không vận hành được, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải triển khai ngay biện pháp xử lý, khắc phục và đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 14. Trường hợp xuất hiện các sự cố khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập, Đơn vị khai thác và bảo vệ công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Hà để chỉ đạo việc triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa và phương án khắc phục hậu quả. Thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết để có biện pháp sử dụng nước trong thời gian khắc phục sự cố.

CHƯƠNG V QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 15. Trách nhiệm quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin

1. Đơn vị quản lý, khai thác công trình tổ chức quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, lưu lượng lũ qua tràn (*Lưu lượng lũ, thời gian lũ, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...*).

2. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và cập nhật lên trang thông tin điện tử thuyloivietnam.vn theo quy định.

3. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện gửi qua địa chỉ Email.

Điều 16. Chế độ quan trắc

Thời gian quan trắc mực nước hồ như sau:

- Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;
- Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn: 1 giờ 01 lần;
- Khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế: 1 giờ 04 lần.

CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa 6A; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 8; Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Quy trình này.

- Công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa 6A trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xử lý hoặc ủy quyền xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này theo thẩm quyền.

- Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 18. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, Ủy ban nhân dân xã Đắk Mar

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố.

- Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với đơn vị quản lý, khai thác công trình để phòng, chống lụt, bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước 6A.

Điều 19. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành tình trạng khẩn cấp hồ chứa nước 6A.

- Báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 20. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Hà

- Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng đơn vị quản lý, khai thác công trình thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước 6A.

Điều 21. Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý, khai thác công trình thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa nước 6A.

- Báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước 6A gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình này theo thẩm quyền.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình này theo thẩm quyền quy định.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của hồ chứa nước 6A nêu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này.

Điều 22. Đơn vị khai thác công trình

- Nghiêm chỉnh vận hành theo đúng quy trình và theo quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước.

- Hoạt động vận hành hồ chứa nước 6A phải ghi chép vào nhật ký vận hành.

- Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, chỉ đạo.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

- Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh khi xảy ra tình huống như quy định Điều 8, Điều 13, Điều 14 của Quy trình này.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Đơn vị khai thác công trình.

- Lập biên bản xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình này.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành có liên quan giải quyết và phối hợp giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy trình này.

- Hàng năm, tổ chức ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân dùng nước để lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.

Điều 23. Các tổ chức, cá nhân hưởng lợi

- Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình.

- Hàng năm, ký hợp đồng sử dụng nước với đơn vị quản lý, khai thác công trình.

- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình hồ chứa nước 6A.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện Quy trình nếu có cần sửa đổi, bổ sung thì đơn vị quản lý, khai thác, vận hành công trình tổ chức điều chỉnh, bổ sung Quy trình vận hành trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC
KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC 6A,
HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

PHỤ LỤC I
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC 6A

1. Nhiệm vụ công trình:

- Công trình có nhiệm vụ theo thiết kế: Cung cấp nước tưới ổn định cho 115 ha. Trong đó có 15 ha lúa hai vụ, 100 ha cà phê.

- Nhiệm vụ hiện tại theo Quyết định 387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: tưới 328,32ha, trong đó lúa 2 vụ là 26,0ha, cây công nghiệp (cà phê) là 302,32ha.

2. Thành phần công trình:

- Đập đất
- Tràn xả lũ
- Công lấy nước đầu mối
- Hệ thống kênh và công trình trên kênh

3. Cấp công trình đầu mối:

- Cấp III (Theo QCVN 04:05)
- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT
- Thuộc loại hồ chứa lớn.
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,5\%$
- Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$
- Mức đảm bảo tưới: $P = 85\%$.

4. Các thông số kỹ thuật chính của công trình:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số thiết kế	Trị số KĐAT
A	Hồ chứa			
1	Diện tích lưu vực	Km ²	7,5	8,43
2	Mực nước chết	m	+631,10	+631,10
3	Mực nước dâng bình thường	-	+638,20	+638,20
4	Mực nước lũ thiết kế(1,5%)	-	+638,90	+639,95
5	Mực nước lũ kiểm tra (0,5%)	-		+640,31
6	Dung tích chết	m ³	97.232	190.000
7	Dung tích hữu ích	-	1.739.000	1.540.000
8	Dung tích toàn bộ	-	1.934.000	1.730.000
9	Diện tích mặt nước	Km ²	0,329	0,345

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số thiết kế	Trị số KĐAT
10	Chế độ điều tiết		Mùa	mùa
B	Đập đất			
1	Cấp công trình		Cấp IV	III
2	Cao trình đỉnh đập	m	+640,00	+640,00
3	Chiều rộng đỉnh đập	-	5,00	5,00
5	Chiều cao đập lớn nhất	-	12,00	12,00
6	Chiều dài đỉnh đập	-	324,0	324,0
7	Hệ số mái thượng lưu		3,50	3,5
8	Hệ số mái hạ lưu		2,75	2,75
C	Tràn xả lũ			
1	Chiều rộng tràn	m	5,5	5,5
2	Lưu lượng xả lũ thiết kế (P=1.5%)	m ³ /s	15,52	18,0
3	Lưu lượng xả lũ kiểm tra (P=0.5%)	-		23,9
4	Cao độ ngưỡng tràn	m	+638,20	+638,20
5	Cột nước tràn thiết kế (P=1.5%)	m	0,70	1,75
6	Cột nước tràn kiểm tra (P=0.5%)	m	-	2,11
7	Chiều rộng dốc nước	m	5,5	5,5
8	Chiều dài dốc nước	m	135,20	135,2
D	Cống lấy nước			
1	Tiết diện cống D	Cm	60	
2	Hình thức cống		Ống thép dày 8mm, bọc BTCT M200, van hạ lưu	
3	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,24	0,24
4	Cao độ cửa vào	m	+630,00	+630,31
5	Chiều dài cống	m	80	80
E	Hệ thống kênh			
1	Chiều dài tuyến kênh kiên cố	Km	1,572	1,572
2	Diện tích tưới	ha	115	115
3	Số công trình trên kênh	Cái	6	6

PHỤ LỤC II

NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH

HỒ CHỨA NƯỚC 6A

1. Các văn bản pháp quy:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn:

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong thiết kế hồ chứa nước 6A;
- Số liệu Khí tượng thủy văn liên quan (Kon Tum, Đăk Tô, Đăk Mot..);
- Các tài liệu quan trắc mực nước hồ, ...

3. Mục tiêu và yêu cầu:

-Lập quy trình vận hành hồ chứa nước 6A để làm cơ sở quản lý, vận hành, khai thác công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ, khi công trình có sự cố và đảm bảo đáp ứng tốt các nhiệm vụ của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ và lũ kiểm tra $P = 0,5\%$.

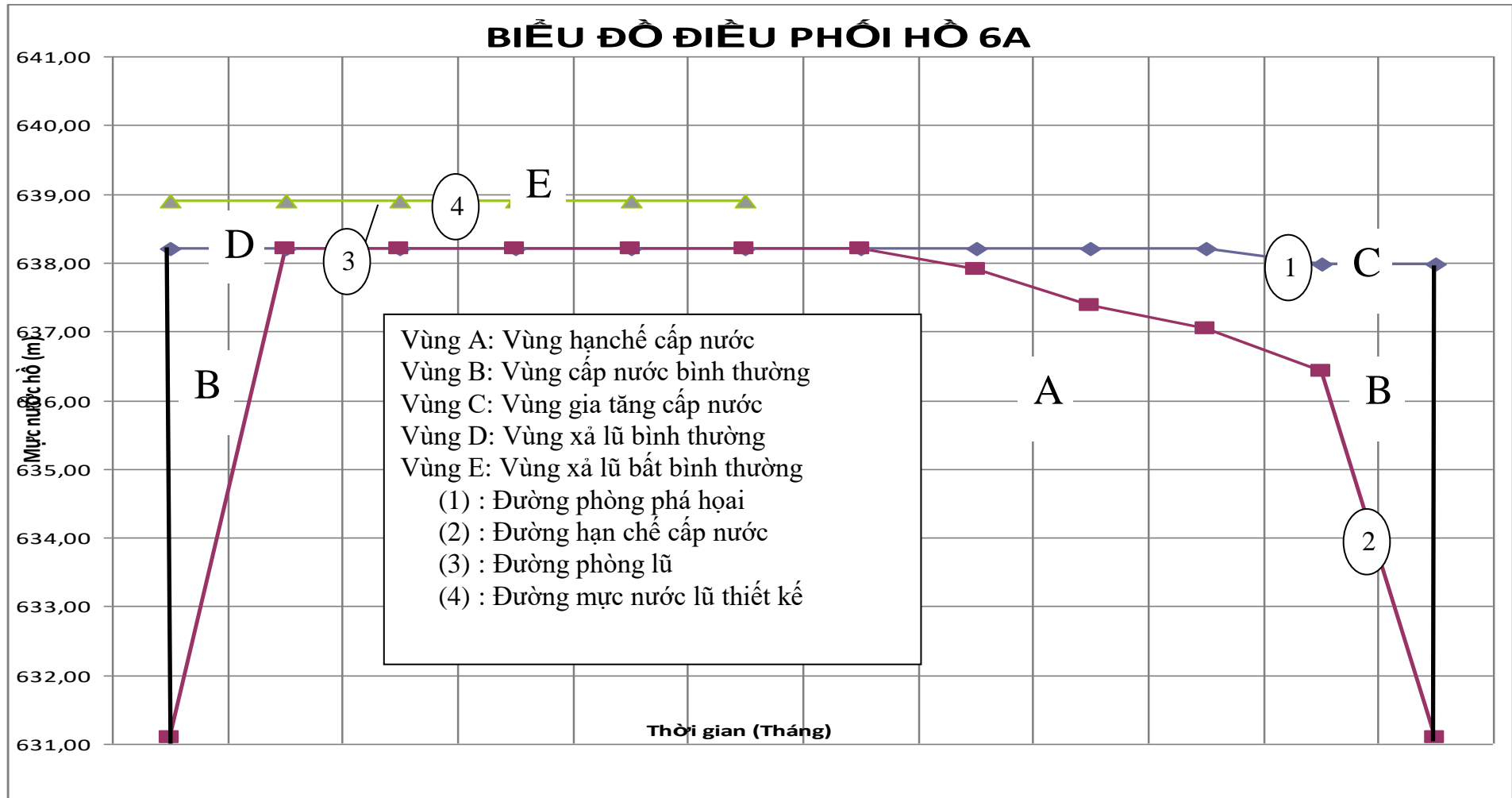
- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ được quy định tại QĐ 387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

PHỤ LỤC III

CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA

- Phụ lục III.1 Biểu đồ điều phối hồ chứa nước
- Phụ lục III.2 Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, dung tích hồ
- Phụ lục III.3 Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng tràn xả lũ
- Phụ lục III.4 Bảng tra quan hệ mực nước, lưu lượng cống lấy nước đầu mối

PHỤ LỤC III.1



Tháng	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	I	II	III	IV	V
Bao trên	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	637,97	637,97
Bao dưới	631,10	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	638,20	637,90	637,38	637,05	636,42	631,10

PHỤ LỤC III.2
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH
ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH HỒ CHỨA 6A

Z(m)	629	630,0	631,0	632,0	633,0	634,0	635,0	636,0	637,0	638,0	639,0	640,0	641,0
F(Km ²)	0,003	0,046	0,080	0,112	0,150	0,194	0,238	0,286	0,343	0,404	0,474	0,553	0,640
W(Tr.m ³)	0,000	0,002	0,088	0,184	0,315	0,486	0,702	0,964	1,278	1,652	2,091	2,604	3,200

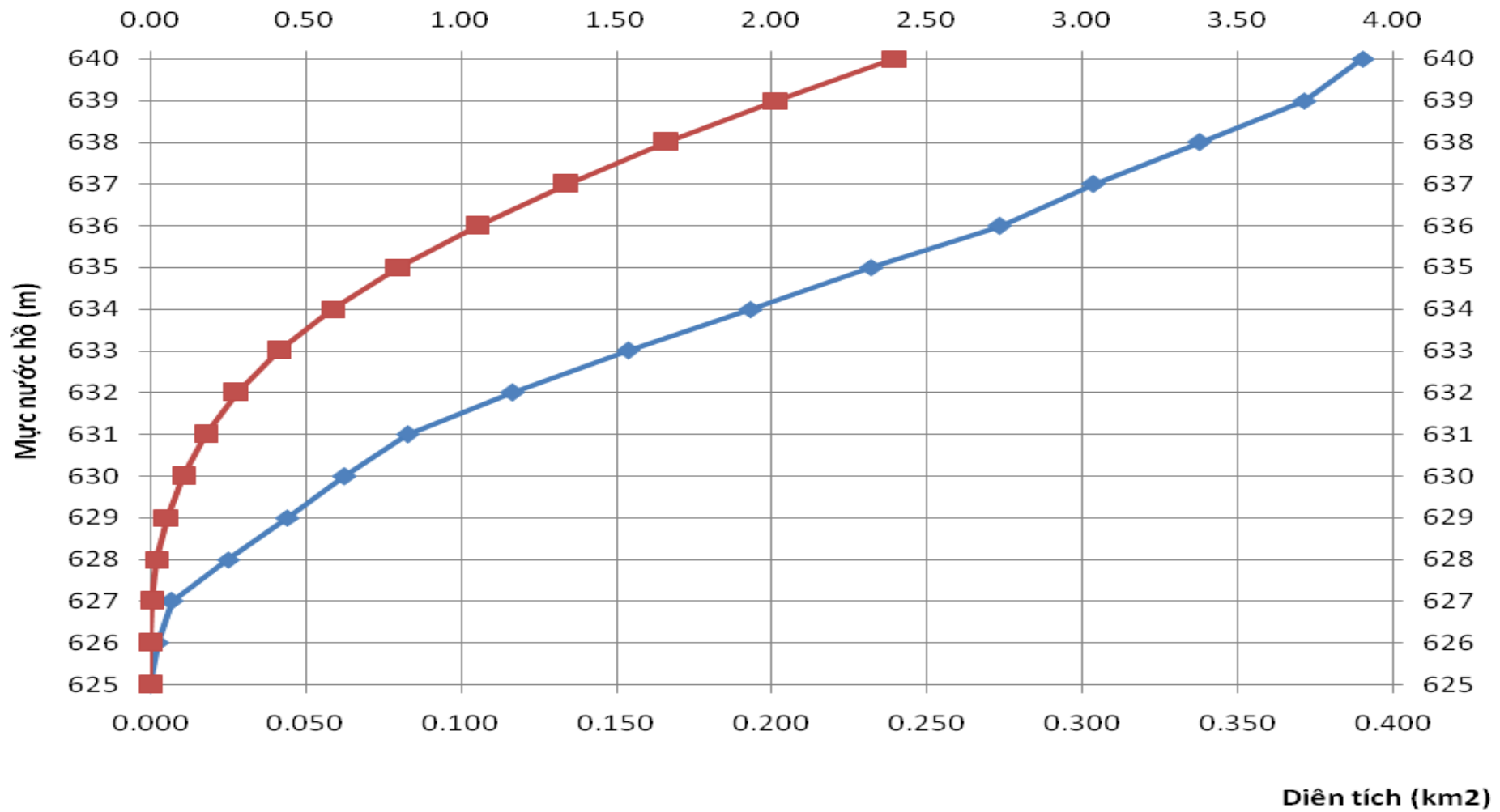
BẢNG TRA ĐƯỜNG DUNG TÍCH HỒ CHỨA (Đơn vị: 10⁶m³)

Z(m)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
626	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
627	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02
628	0,02	0,02	0,03	0,03	0,03	0,04	0,04	0,04	0,05	0,05
629	0,05	0,06	0,07	0,07	0,08	0,08	0,09	0,09	0,10	0,10
630	0,11	0,11	0,12	0,13	0,14	0,14	0,15	0,16	0,17	0,17
631	0,18	0,19	0,20	0,21	0,22	0,23	0,24	0,25	0,26	0,27
632	0,28	0,29	0,31	0,32	0,33	0,35	0,36	0,37	0,39	0,40
633	0,41	0,43	0,45	0,47	0,48	0,50	0,52	0,54	0,55	0,57
634	0,59	0,61	0,63	0,65	0,67	0,69	0,72	0,74	0,76	0,78
635	0,80	0,83	0,85	0,88	0,90	0,93	0,95	0,98	1,00	1,03
636	1,05	1,08	1,11	1,14	1,17	1,20	1,23	1,25	1,28	1,31
637	1,34	1,37	1,41	1,44	1,47	1,50	1,53	1,57	1,60	1,63
638	1,66	1,70	1,73	1,77	1,80	1,84	1,87	1,91	1,95	1,98
639	2,02	2,05	2,09	2,13	2,17	2,21	2,25	2,28	2,32	2,36
640	2,40									

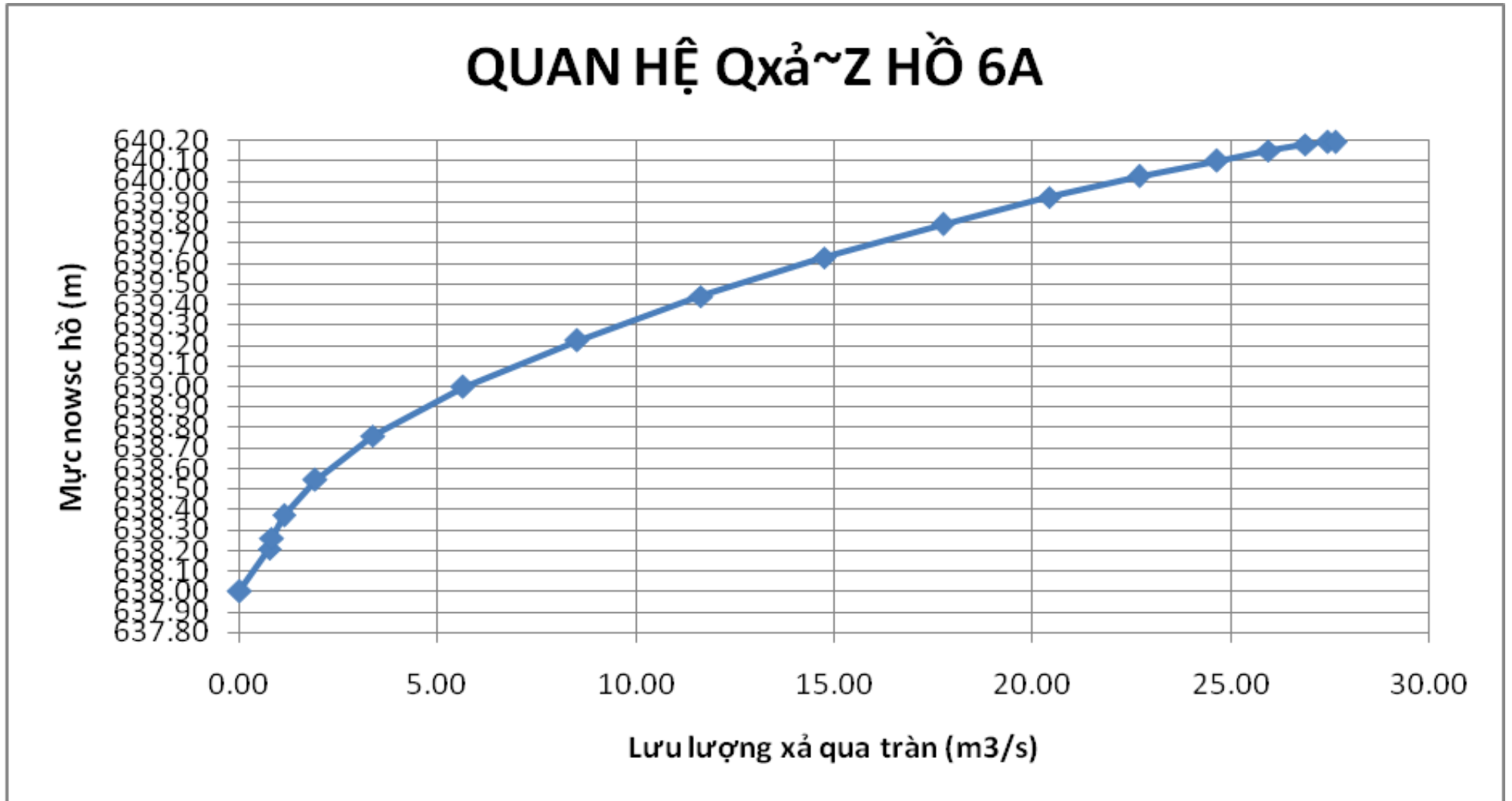
BẢNG TRA ĐƯỜNG DIỆN TÍCH MẶT HỒ (Đơn vị: Km²)

Z(m)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
625	0,000	0,000	0,000	0,001	0,001	0,001	0,001	0,002	0,002	0,002
626	0,002	0,003	0,003	0,004	0,004	0,005	0,005	0,006	0,006	0,006
627	0,007	0,009	0,011	0,012	0,014	0,016	0,018	0,020	0,021	0,023
628	0,025	0,027	0,029	0,031	0,033	0,035	0,037	0,038	0,040	0,042
629	0,044	0,046	0,048	0,050	0,052	0,053	0,055	0,057	0,059	0,061
630	0,063	0,065	0,067	0,069	0,071	0,073	0,075	0,077	0,079	0,081
631	0,083	0,086	0,090	0,093	0,096	0,100	0,103	0,106	0,110	0,113
632	0,117	0,120	0,124	0,128	0,132	0,135	0,139	0,143	0,146	0,150
633	0,154	0,158	0,162	0,166	0,170	0,174	0,178	0,182	0,186	0,189
634	0,193	0,197	0,201	0,205	0,209	0,213	0,217	0,221	0,225	0,228
635	0,232	0,236	0,241	0,245	0,249	0,253	0,257	0,261	0,265	0,270
636	0,274	0,277	0,280	0,283	0,286	0,289	0,292	0,295	0,298	0,301
637	0,304	0,307	0,311	0,314	0,317	0,321	0,324	0,328	0,331	0,334
638	0,338	0,341	0,345	0,348	0,351	0,355	0,358	0,362	0,365	0,368
639	0,372	0,374	0,375	0,377	0,379	0,381	0,383	0,385	0,387	0,388
640	0,390									

ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH HỒ CHỨA 6A



PHỤ LỤC III-3
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA TRÀN XẢ LỬ



Qp	Qxả max	MNDBT	Ng. tràn	Btràn	m	MNDGC	Ho	Wplũ	Ghi chú
(m ³ /s)	(m ³ /s)	(m)	(m)	(m)		(m)	(m)	(10 ⁶ m ³)	
83,0	21,3	638,20	638,20	5,50	0,35	639,84	1,84	0,60	
102,6	27,6	638,20	638,20	5,50	0,35	640,19	2,19	0,73	

PHỤ LỤC III-4

BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA CÔNG LẤY NƯỚC ĐẦU MŌI

Độ mở công (Cm)	W(m ²)	Mức nước hồ/Lưu lượng công							
		631,00	632,00	633,00	634,00	635,00	636,00	637,00	638,00
1,00	0,008	0,01	0,02	0,02	0,03	0,03	0,03	0,04	0,05
2,00	0,016	0,02	0,04	0,05	0,05	0,06	0,07	0,07	0,11
3,00	0,024	0,03	0,05	0,07	0,08	0,09	0,10	0,11	0,15
4,00	0,032	0,05	0,07	0,09	0,11	0,12	0,13	0,15	
5,00	0,040	0,06	0,09	0,12	0,14	0,15			
6,00	0,048	0,07	0,11	0,14	0,15				
7,00	0,056	0,08	0,13	0,15					
8,00	0,064	0,09	0,14						
9,00	0,072	0,10	0,15						
10,00	0,080	0,11							
11,00	0,088	0,12							
12,00	0,096	0,13							
13,00	0,104	0,14							
14,00	0,112	0,15							